TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B – TỈNH E**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số:108 /2018/DS-ST
Ngày: 20 -12-2018
V/v tranh chấp: " hợp đồng góp hụi "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mai

2. Ông Bùi Văn Chiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh E *tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạn Thị H, sinh năm: 1976 (Có mặt)

HKTT: ấp P, xã M, huyện G, tỉnh E.

Hiện ở: Ấp N, xã L, huyện B, tỉnh E.

2. Bị đơn: 1/ Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1971 (Vắng mặt)

2/ Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã Q, huyện B, tỉnh E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 04 năm 2018, bản tự khai ngày 12/06/2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày:

Bà có làm chủ 3 dây hụi trong đó bà Nguyễn Thị H1 là hụi viên, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi khui ngày 05/05/2016 âm lịch, mệnh giá hụi là 3.000.000đồng, hụi một tháng khui một lần. Hụi gồm 13 phần, bà H1 tham gia chơi 01 phần, hụi này khui

đến lần khui thứ 08 thì bà H1 hốt hụi, bà giao tiền cho bà H1 là 31.340.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà H1 đóng hụi chết đến tháng 2/2017 thì ngưng không đóng nữa. Hụi mãn vào ngày 05/05/2017, bà phải đóng hụi chết dùm cho bà H1 là 03 phần với số tiền là 9.000.000 đồng. Số tiền này đến nay bà H1 còn nợ bà là 9.000.000 đồng.

Dây 2: Hụi khui ngày 25/01/2016 âm lịch, mệnh giá hụi là 2.000.000đồng, hụi một tháng khui một lần. Hụi gồm 23 phần, bà H1 tham gia chơi 01 phần, hụi này khui đến lần khui thứ 07 thì bà H1 hốt hụi, bà giao tiền cho bà H1 là 33.200.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà H1 đóng hụi chết đến tháng 2/2017 thì ngưng không đóng nữa. Hụi mãn vào ngày 25/11/2017, bà phải đóng hụi chết dùm cho bà H1 là 09 phần với số tiền là 18.000.000 đồng. Số tiền này đến nay bà H1 còn nợ bà là 18.000.000 đồng.

Dây 3: Hụi khui ngày 25/01/2016 âm lịch, mệnh giá hụi là 2.000.000đồng, hụi một tháng khui một lần. Hụi gồm 23 phần, bà H1 tham gia chơi 01 phần, hụi này khui đến lần khui thứ 04 thì bà H1 hốt hụi, bà giao tiền cho bà H1 là 30.400.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà H1 đóng hụi chết đến tháng 2/2017 thì ngưng không đóng nữa. Hụi mãn vào ngày 25/11/2017, bà phải đóng hụi chết dùm cho bà H1 là 09 phần với số tiền là 18.000.000 đồng. Số tiền này đến nay bà H1 còn nợ bà là 18.000.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hụi bà H1 nợ bà 45.000.000 đồng (Bốn Mươi lăm triệu đồng). Ngày 10/10/2017 âm lịch bà H1 có làm giấy nợ cho bà và thỏa thuận lãi suất là 8.500.000 đồng ghi trong giấy nợ.

Tại phiên tòa bà thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 cùng cH1 là Nguyễn Văn T phải trả lại cho bà số tiền là 45.000.000 đồng, không yêu cầu tình lãi suất.

* Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày ngày 25/7/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Bà thừa nhận có nợ bà H số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) trong ba dây hụi do bà H làm chủ. Cụ thể dây 1 khui ngày 05/05/2016 bà nợ bà H 9.000.000 đồng, dây 2 khui ngày 25/01/2016 âm lịch bà nợ bà H 18.000.000 đồng, dây 3 khui ngày 25/01/2016 âm lịch bà nợ bà H 18.000.000 đồng. Nhưng bà đã trả rồi cho bà H 5.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ bà H 40.000.000 đồng. Riệng giấy thiếu tiền hụi ngày 10/10/2017 âm lịch bà cho rằng chữ viết và chữ ký dưới mục người thiếu không phải của bà nên bà không đồng ý trả đồng theo yêu cầu của bà H. Bà chỉ đồng ý trả 40.000.000 đồng cho bà H nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

* Đối với bị đơn Nguyễn văn T vắng mặt trong suốt quà trình giải quyết vụ án nên tòa án không thu thập được lời khai.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán tuân thủ đúng Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ thì Thẩm phán có tiến hành thu thập theo quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy

định. Đối với nguyên đơn Phan Thị H thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Riệng bị đơn Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với vi phạm của thẩm phán không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên đề nghị khắc phục trong thời gian tới.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 479 Bộ luật dân sự 2015; Điều 92, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị H đối với bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi; Buộc bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn T phải liên đới hoàn trả cho bà Phan Thị H số tiền hụi là 45.000.000đồng. Ghi nhận chị Phan Thị H không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 đơn xin giải quyết vắng mặt và phù hợp Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên tòa tòa án tiến hành xét xử vụ án là phù hợp. Riêng bị đơn ông Nguyễn Văn T được Toà án tống đạt hợp lệ đế lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của bà Phan Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn T phải liên đới trả lại cho bà số tiền hụi là 45.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2018 bà H1 thừa nhận có chơi hụi do bà H làm chủ, đã hốt hụi hết và còn nợ bà H 03 dây hụi số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng). Xét thấy lời khai của bà H1 phù hợp với lời trình bày của bà H nên lời thừa nhận của bà H1 là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H1 cho rằng đã trả rồi cho bà H 5.000.000đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh, mặc dù tòa án yêu cầu bà H1 giao nộp chứng cứ đối với số tiền đã trả nhưng bà H1 vẫn không thự hiện. Do không có chứng cứ chứng minh nên không có cở sở xác định bà H1 đã trả rồi cho bà H 5.000.000 đồng. Vì vậy bà H1 còn nợ bà H số tiền hụi là 45.000.000 đồng.

Đối với giấy thiếu tiền hụi ngày 10-10-2017 âm lịch bà H1 không thừa nhận chữ ký cũng như chưa có kết luận của cơ quan có thẩm quyền kết luận là chữ ký của bà H1 nên không là căn cứ giải quyết vụ án.

Bà H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người chủ hụi giao tiền cho hụi viên khi đến kỳ hốt hụi. Bà H1 là hụi viên nhận tiền hụi khi đến kỳ lãnh hụi, nhưng không thực hiện nghĩa vụ góp hụi chết cho chủ hụi là vi phạm nghĩa vụ của người hụi viên theo Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Nên Bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 trả nợ 45.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận chị H không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

[3] Về trách nhiệm liên đới: Bà H khởi kiện yêu cầu vợ cH1 bà H1, ông T cùng liên đới trả nợ. Thấy rằng, bà H1, ông T là vợ cH1 có đăng ký kết hôn theo xác minh ngày 14/6/2018 (Bút lục 31) tại ủy ban xã Vang Quới Tây. Số nợ trên phát sinh trong thời gian vợ cH1 ông, bà còn sống chung, việc chơi hụi phục vụ nhu cầu của gia đình. Do đó, khi phát sinh nợ ông T cũng phải có trách nhiệm liên đới cùng bà H1 trả nợ cho bà H là đúng quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án :

Bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn T phải liên đới chụi là 45.000.000 đồng x 5% = 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Phan Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.375.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015133 ngày 11/05/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 92, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H đối với bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn T phải liên đới hoàn trả cho bà Phan Thị H số tiền hụi là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Ghi nhận bà Phan Thị H không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và ngày bà Phan Thị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn T chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn T phải liên đới chụi là 2.250.000đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Phan Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.375.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015133 ngày 11/05/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn bà Phan Thị H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh E;
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
-VKSND huyện B;
-Chi cục THA dân sự huyện B;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lê Thị Thu Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

……-…… **Nguyễn H1 Phương**